

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 698/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới;  
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 999/TTr-SNNPTNT-VP ngày 29/02/2024 và ý kiến của thành viên UBND tỉnh (Văn bản xin ý kiến số 692/VP.UBND-NC ngày 05/3/2024 của Văn phòng UBND tỉnh).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ danh mục thủ tục hành chính đã được công bố, cung cấp nội dung thủ tục hành chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xây dựng để phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Cao Tường Huy**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỐI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 698/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI	
						Nhận hồ sơ	Trả kết quả
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)</b>						
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (02 TTHC)</b>						
01	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	12 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng	Không	Không
02	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng	Không	Không
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)</b>						
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC KIỂM LÂM (01 TTHC)</b>						
01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	22 ngày	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Không	Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững	Không	Không

**Phụ lục II**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 698/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	Lĩnh vực		Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		
	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung					Nhận hồ sơ	Trả kết quả	
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (07 TTHC)</b>								
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (01 TTHC)</b>								
01	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	12 ngày đối với cấp Quyết định; 02 ngày đối với phục hồi Quyết định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bên dưới TTHC	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	Không	Không	



03	<p>Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế</p>	<p>Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế</p>	<p>Bên dưới TTHC</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>	<p>Có</p>	<p>Có</p>
	<p>- 22 ngày (UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn);                  - 57 ngày (UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn, chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền);                  - 37 ngày (UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn, chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền, số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế);                  - 42 ngày (UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn, chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền, số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế).</p>							
04	<p>Xác nhận bảng kê lâm sản</p>	<p>Xác nhận bảng kê lâm sản</p>	<p>04 ngày</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>	<p>Có</p>	<p>Có</p>
05	<p>Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng</p>	<p>10 ngày</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>	<p>Có</p>	<p>Có</p>

06	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	09 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bên dưới TTHC	<p>- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; Công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;</p> <p>- Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ, sửa đổi một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh).</p>	Có	Có
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công nhận lâm phần tuyển chọn 600.000 đồng/01 giống;</li> <li>+ Phí bình tuyển, công nhận công nhận cây trội (cây mẹ), cây đầu dòng 2.400.000 đồng/01 lần công nhận;</li> <li>+ Phí bình tuyển, công nhận công nhận vườn giống cây lâm nghiệp 2.400.000 đồng/01 lần công nhận;</li> <li>+ Phí bình tuyển, công nhận công nhận rừng giống trồng, rừng gồm rừng giống trồng, rừng giống chuyển hóa) 6.000.000 đồng/01 lần công nhận;</li> </ul>							

